

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH**

Đồng Nai, 2017.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình
Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3601033213 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23/07/2008, cập nhật thay đổi lần 4 ngày 02/12/2016
- Vốn điều lệ: 187 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: ./.
- Địa chỉ: G243 Bùi Văn Hòa, KP7, Phường Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
- Số điện thoại: 0616 255 999
- Số fax/Fax: 0616 501 826
- Website: www.icdlongbinh.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): ./.

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

7/8/2008: Thành lập Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình thực hiện dự án đầu tư cảng ICD Tân Cảng Long Bình thuộc khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình, hoạt động trong lĩnh vực kho, bãi, dịch vụ cảng ICD, các dịch vụ giá trị gia tăng khác trong lĩnh vực giao nhận nhằm cung ứng một chuỗi logistics cho khách hàng có nhu cầu xuất nhập hàng hóa thông qua cảng ICD Tân Cảng Long Bình. Vốn điều là 150 tỷ

27/7/2009: thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan cảng nội địa tại Đồng Nai với diện tích 77,958ha theo Quyết định số 1794/QĐ - BTC của Bộ Tài Chính

15/09/2009: thành lập và đi vào hoạt động kho ngoại quan số 1 diện tích 9.000m² theo quyết định số 1815/QĐ - TCHQ của Tổng cục hải quan

10/03/2010: Khai trương điểm kiểm hóa tập trung tại ICD Tân Cảng Long Bình theo Quyết định số 206/QĐ - TCHQ của Tổng cục Hải quan

Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 187 tỷ đồng

27/4/2015: mở rộng địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa tại Đồng Nai với diện tích 25ha theo Quyết định số 1278/QĐ - TCHQ của Tổng cục hải quan.

Tổng diện tích ICD sau khi mở rộng: 105ha

12/2015: đưa kho số 20 diện tích 32.400m² đi vào hoạt động

Tính đến hết năm 2016: đưa vào khai thác hoạt động 8 kho 18.000m², 3 kho 15.300m², 1 kho 31.500m², 1 showroom, 1 kho diện tích 1.600m² (chưa bao gồm các kho của các công ty liên doanh, liên kết), 1 kho diện tích 32.400m² khai thác toàn bộ khu đất 105ha (bao gồm 80ha hiện hữu và 25ha mở rộng).

- Các sự kiện khác:./.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:./.

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.

+ Dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa

+ Dịch vụ logistics

+ Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, container

+ Dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng

- Địa bàn kinh doanh: Long Bình, Đồng Nai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/

- Mô hình quản trị:

ICD Long Bình bao gồm 5 thành viên Hội đồng quản trị, trong đó có 1 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Hội đồng quản trị bổ nhiệm Thủ ký công ty (gồm 2 nhân sự) để bảo đảm hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật, là kênh thông tin trao đổi giữa cổ đông và Hội đồng quản trị

- Cơ cấu bộ máy quản lý gồm.

Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình được điều hành bởi Ban Giám đốc gồm có Giám đốc và 3 phó Giám đốc.

Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của ICD và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước và điều lệ của Công ty.

Bao gồm:

Trần Triệu Phú – Giám đốc

Trần Hoàng Lân – Phó giám đốc

Nguyễn Đức Vượng – Phó giám đốc

Hiện tại Công ty được chia thành 7 Phòng chức năng:

Phòng Tổ chức hành chính

Phòng Tài chính kế toán

Phòng Kế hoạch kinh doanh

Khu kho hàng

Phòng điều độ

Phòng cơ giới xếp dỡ

- Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con: Công ty cổ phần Tiếp Vận Thành Long

Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh dịch vụ kho bãi và các dịch vụ giá trị gia tăng kết nối với dịch vụ kho, bãi

Vốn điều lệ: **40.000.000.000 đồng**

Tỷ lệ góp vốn của ICD: 51%/vốn điều lệ

Công ty liên kết: Công ty cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Long Bình

Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh dịch vụ vận tải đường bộ

Vốn điều lệ: **20.000.000.000 đồng**

Tỷ lệ góp vốn của ICD: 7,2 tỷ đồng tương ứng 36%/vốn điều lệ

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Vì Khách hàng: với phương trâm kinh doanh “ Niềm tin là tất cả. Chất lượng hàng đầu, lợi nhuận đi đôi”, ICD Tân Cảng Long Bình luôn cung cấp dịch vụ hoàn hảo và gia tăng giá trị gia tăng cho khách hàng (VAS), luôn đồng hành cùng khách hàng, hợp tác củng phát triển, nâng cao chuỗi cung ứng nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng đa dạng và phong phú.
- Vì Nhân viên: môi trường làm việc thân thiện, công bằng và đời sống ngày càng nâng cao.

- Vì Cổ đông: tốt đa hóa lợi nhuận cổ đông và nâng cao giá trị doanh nghiệp.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trở thành Trung tâm logistics kiểu mẫu, hiện đại và lớn nhất Việt Nam trong đó đầy đủ các dịch vụ kho hàng, bãi container, depot rỗng và các dịch vụ giá trị gia tăng cùng với sự cung ứng các chuỗi dịch vụ hoàn thiện, có tính kết nối với hệ thống các khu công nghiệp, hệ thống cảng, đường hàng không (sân bay quốc tế Long Thành) theo quy hoạch phát triển các trung tâm logistics theo Quyết định số 1012/2015/QĐ - Ttg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/07/2015 Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
- Dịch vụ khách hàng: cung cấp dịch vụ đa dạng và phù hợp với nhu cầu ngày càng nâng cao của khách hàng; phát triển thế mạnh của công ty và từng bước chuyên sâu vào dịch vụ chuỗi cung ứng logistics trên cơ sở kết nối hệ thống kho – bãi – depot – hệ thống cảng, tiến đến cung cấp chuỗi dịch vụ trọn gói 3PL
- Chất lượng dịch vụ: an toàn, trung thực, minh bạch, liên tục cải tiến công nghệ và hạ tầng phục vụ KH như các phần mềm CNTT: WMS (quản lý kho), CMS (quản lý bãi và khai thác container) và TOPO (hệ thống container cảng).
- Chất lượng nhân viên: liên tục đào tạo nâng cao về nghiệp vụ và tinh thần đồng lòng với sự phát triển của công ty
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty
- Ý thức được rằng hoạt động kinh doanh để mang lại lợi ích kinh tế phải đi đôi với ý thức cao trong trách nhiệm cộng đồng, ICD luôn tham gia hoạt động xã hội và các phong trào do Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn và Bộ Quốc Phòng tổ chức.

- Thực hiện quy góp ngày lương doanh nghiệp cho Quỹ đền ơn đáp nghĩa, các chương trình dân vận của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, Quân chủng hải quân và Bộ Quốc Phòng
- Tham gia ủng hộ cho các tổ chức đoàn thể tại địa phương “Chung một tấm lòng”, “Trái tim nhân đạo”, các hoạt động tình nguyện mang tính cộng đồng và địa phương, góp phần xây dựng địa bàn tại đơn vị trong thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách chăm lo đời sống cho công nhân, lao động trên địa bàn, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, công tác dân vận trên địa bàn xã Phước Tân và phường Long Bình
- Tất cả các hoạt động cộng đồng đều trích từ nguồn quỹ phúc lợi của công ty với mục tiêu cùng với địa bàn đóng quân chung tay, chung sức đồng lòng vì một xã hội tiến bộ và tốt đẹp.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro về kinh tế vĩ mô: sự tăng trưởng/suy giảm của nền kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng đều tác động
- Rủi ro chính sách: chính sách điều hành của Chính phủ, các Bộ/ngành liên quan như Bộ Công Thương, Bộ giao thông vận tải, Tổng cục Hải quan... về hoạt động xuất nhập khẩu ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của công ty.
- Rủi ro về pháp lý: sự thay đổi các quy định liên quan đến thủ tục hải quan ảnh hưởng đến các dịch vụ của ICD cung cấp cho khách hàng, đặc biệt là quy chế hoạt động của cảng cạn theo Quyết định số 47/2014/QĐ - Ttg của Thủ tướng chính phủ ngày 27/08/2014 về quy chế quản lý hoạt động của cảng cạn, sự thay đổi pháp luật về thuế, đất đai đặc biệt là quy chế sử dụng đất quốc phòng làm kinh tế, quy định pháp luật liên quan đến hoạt động xây dựng, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất quốc phòng làm kinh tế....

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2015	THỰC HIỆN NĂM 2016	+/- Giá trị số tuyệt đối so với cùng kỳ	% so với TH2015	% so với KH 2016
1	Vốn điều lệ	187,000.00	187,000.00	187,000.00		100%	100%
2	Vốn chủ sở hữu	266,431.70	255,309.25	272,352.61	17,043.36	107%	102%
3	Tổng doanh thu	276,899.32	254,107.43	326,197.76	72,090.33	128%	118%
4	Tổng chi phí	220,363.67	199,214.81	263,984.32	64,769.50	133%	120%
5	Tổng LN trước thuế	56,535.65	54,892.62	62,213.44	7,320.83	113%	110%
6	Tổng LN sau thuế	44,107.81	43,082.13	50,028.73	6,946.60	116%	113%
7	Tỷ suất LN/ Vốn điều lệ	23.59%	23.04%	26.75%			
8	Tỷ suất LN/ Vốn chủ sở hữu	16.56%	16.87%	18.37%			
9	Cổ tức	15.00%	15.00%	15.00%			

Nhìn chung tình hình sản xuất kinh doanh năm 2016 tăng mạnh. Cụ thể, kết quả doanh thu vượt khoảng 18% so với kế hoạch năm (TH 326 tỷ/KH 276 tỷ); Lợi nhuận sau thuế tăng 13.4% so với kế hoạch năm (TH 50 tỷ/ KH 44,1 tỷ).

Nguyên nhân chủ yếu: Như đã đề cập ở trên đây, do sản lượng nhôm quý 3 tăng đột biến gấp 4 lần so với cùng kỳ; Nhu cầu diện tích chứa hàng thực phẩm tăng cao gấp 4 lần so với cùng kỳ, Diện tích kho 20 đã đưa vào khai thác trước tiến độ dự kiến theo kế hoạch 1 tháng và phủ kín 80% (tương đương 116,000 m² gấp 3.5 lần so với dự kiến), trong đó:

Doanh thu cho thuê kho, CSHT tăng mạnh, đạt 143.4% so với kế hoạch năm và đạt 145 % so với cùng kỳ.

Doanh thu thuê kho ngoài tăng 391.5% so với cùng kỳ do đáp ứng các quy cách kho phù hợp cho khách hàng như diện tích lớn hoặc khu kho có văn phòng hoặc chiều cao của mỗi loại kho đáp ứng cho từng loại hàngbắt buộc ICD LB phải mở rộng thuê kho ngoài để khai thác.

Doanh thu cho thuê bãi hàng đạt 952.3% do có lượng hàng nhôm lớn.

Doanh thu dịch vụ Logistics đạt 117.8% so với kế hoạch năm và đạt 125.2% so với cùng kỳ. Các giá trị tăng thêm như xếp dỡ, vận chuyển, thủ tục hải quan... đều tăng hơn 10% so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành.

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần (*)
1	Trần Triệu Phú	Giám đốc	83.000
2	Trần Hoàng Lân	Phó giám đốc	1.555
3	Nguyễn Đức Vượng	Phó giám đốc	0
4	Nguyễn Đức Khiêm	Kế toán trưởng	5.000

(*) Tính đến 31/12/2016

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):

Miễn nhiệm ông Phạm Văn Long, Giám đốc công ty từ tháng 12/2016

Bổ nhiệm ông Trần Triệu Phú, Phó giám đốc giữ chức Giám đốc công ty, từ tháng 12/2016.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: không có sự thay đổi

Tính đến tháng 12/2016: 204 cán bộ, nhân viên

Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, thực hiện theo chính sách lương thưởng của hệ thống Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Công ty mẹ)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện đến 31/12/2016	Nguồn vốn		
				Vay NH	KH & LD	Tự có
I	Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị	105,247.10	105,724.14	63,672.96	35,764.55	6,286.63
1	Xây dựng kho 20 - Hợp tác với Sonadezi Long Bình (Không bao gồm	87,727.87	88,204.91	51,963.32	35,764.55	477.04

STT	Tên hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện đến 31/12/2016	Nguồn vốn		
				Vay NH	KH & LD	Tự có
	CPCSHT)					
2	Mua 5 xe nâng điện TCM (230.000 USD - Chưa bao gồm thuế GTGT hàng nhập khẩu 10%)	5,133.74	5,133.74	4,109.64	-	1,024.10
3	Xây dựng hệ thống công thoát nước và san lấp bồi khu 25 ha (Giảm trừ tiền thuê CSHT)	11,366.40	11,366.40	7,600.00	-	3,766.40
4	Xe ô tô Toyota Fortuner 7 chỗ	1,019.09	1,019.09			1,019.09
II	Đầu tư tài chính					
Tổng		105,247.10	105,724.14	63,672.96	35,764.55	6,286.63

b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con: Công ty TV Thành Long

Chỉ tiêu	2015	2016
I. Tài sản ngắn hạn	10.405.818.346	12.125.240.096
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.082.226.599	5.806.732.210
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	5.322.048.795	6.318.507.886
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		-
4. Hàng tồn kho		-
5. Tài sản ngắn hạn khác		-
II. Tài sản dài hạn	102.763.491.778	98.005.003.385
1. Các khoản phải thu dài hạn		
2. Tài sản cố định	62.027.233.171	58.027.635.987
- Tài sản cố định hữu hình	62.027.233.171	58.027.635.987
- Tài sản cố định thuê tài chính		-
- Tài sản cố định vô hình		-

Chỉ tiêu	2015	2016
3. Bất động sản đầu tư		-
4. Tài sản dở dang dài hạn		
-Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-
5. Đầu tư tài chính dài hạn		-
6. Tài sản dài hạn khác	40.736.258.607	39.977.367.398
III. Nợ phải trả	62.805.434.093	57.597.637.706
1. Nợ ngắn hạn	8.205.434.093	8.797.637.706
Trong đó: Nợ quá hạn		-
Trong đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi	647.169.581	1.188.080.481
2. Nợ dài hạn	54.600.000.000	48.800.000.000
IV. Vốn chủ sở hữu	50.363.876.031	52.532.605.775
1. Vốn chủ sở hữu	50.363.876.031	52.532.605.775
Trong đó: vốn góp của chủ sở hữu	40.000.000.000	40.000.000.000
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
V. Kết quả kinh doanh		
1. Tổng doanh thu	30.790.415.602	30.847.064.507
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.790.415.602	30.847.064.507
- Doanh thu hoạt động tài chính	36.511.247	182.258.598
- Thu nhập khác	6.201	7.745.079
2. Tổng chi phí	19.917.431.006	22.031.234.596
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	10.909.502.044	9.005.833.588
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	8.497.955.266	7.192.306.168

Công ty liên kết: Công ty TV Tân Cảng Long Bình

Chỉ tiêu	2015	2016
I. Tài sản ngắn hạn	9.245.667.730	17.540.732.200
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.670.076.774	2.403.375.335
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	6.640.198.219	13.671.347.773
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi	-	-
4. Hàng tồn kho	-	-

Chỉ tiêu	2015	2016
5. Tài sản ngắn hạn khác	935.392.737	1.466.009.092
II. Tài sản dài hạn	36.446.891.086	30.000.383.918
1. Tài sản cố định	36.103.522.799	29.855.406.071
- Tài sản cố định hữu hình	36.103.522.799	29.855.406.071
- Tài sản cố định vô hình	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
2. Bất động sản đầu tư	-	-
3. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Trong đó: - Đầu tư vào công ty con	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
III. Nợ phải trả	30.720.764.293	31.182.507.739
1. Nợ ngắn hạn	10.862.167.578	19.008.880.000
Trong đó: Nợ quá hạn	1	-
2. Nợ dài hạn	19.858.596.715	12.173.627.739
IV. Vốn chủ sở hữu	14.971.794.523	16.358.608.379
1. Vốn chủ sở hữu	14.971.794.523	16.358.608.379
Trong đó: vốn góp của chủ sở hữu	15.000.000.000	15.000.000.000
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
V. Kết quả kinh doanh		
1. Tổng doanh thu	29.413.389.313	59.436.654.224
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.334.298.403	59.348.175.941
- Doanh thu hoạt động tài chính	7.762.366	3.409.739
- Thu nhập khác	71.328.544	85.068.544
2. Tổng chi phí	30.181.547.452	58.674.598.770
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	(768.158.139)	762.055.454
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	(768.158.139)	720.979.318

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Phân công ty mẹ:

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2016	TỶ LỆ
Tổng tài sản	887,781,656,698	1,001,031,338,937	112.76%
Tài sản ngắn hạn	139,199,778,086	145,034,586,213	104.19%
Tài sản dài hạn	748,581,878,612	855,996,752,724	114.35%
Nguồn vốn	887,781,656,698	1,001,031,338,937	112.76%
Nợ phải trả	632,472,410,497	728,678,729,064	115.21%
Nguồn VSH	255,309,246,201	272,352,609,873	106.68%
Vốn điều lệ	187,000,000,000	187,000,000,000	100.00%
Tổng doanh thu	253,024,911,246	326,195,347,730	128.92%
Lợi nhuận sau thuế	43,082,115,331	50,028,725,026	116.12%

Chỉ tiêu tài chính hợp nhất:

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2016	TỶ LỆ
Tổng tài sản	939,978,875,060	1,050,701,612,416	111.78%
Tài sản ngắn hạn	149,571,625,498	156,303,995,919	104.50%
Tài sản dài hạn	790,407,249,562	894,397,616,497	113.16%
Nguồn vốn	939,978,875,060	1,050,701,612,416	111.78%
Nợ phải trả	654,507,615,049	745,620,345,369	113.92%
Nguồn VSH	285,471,260,011	305,081,267,047	106.87%
Vốn điều lệ	187,000,000,000	187,000,000,000	100.00%
Tổng doanh thu	280,866,505,181	352,754,186,307	125.59%
Lợi nhuận sau thuế	49,992,962,796	55,527,325,023	111.07%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ số	ĐVT	2015	2016	% tăng giảm 2016/2015
Tỷ số thanh khoản hiện thời	Lần	0.78	0.62	-20.43%
Tỷ số thanh khoản nhanh	Lần	0.78	0.62	-20.43%

Chỉ số	ĐVT	2015	2016	% tăng giảm 2016/2015
Tỷ số Nợ/VCSH	Lần	2.48	2.68	8.00%
Tỷ số Nợ/VDL	Lần	3.38	3.90	15.21%
Tỷ số thanh toán lãi vay	%	17.03	15.34	-9.92%
Tỷ suất lợi nhuận/DT	%	4.85	5.00	3.0%
Tỷ suất lợi nhuận/TTS	%	21.50	22.84	6.23%
Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	%	23.00	27.00	16.12%
Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1.04	1.07	3.01%
Tổng lãi vay/ Tổng chi phí	%	0.10	0.06	-35.99%
Nợ khó đòi/ Tổng nợ phải thu	%	0.053	0.047	-12.16%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 18.700.000 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.700.000 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ đông (người)
1	Tổng số lượng cổ phần phổ thông:	18.700.000	100%	979
2	Cổ đông sáng lập:	12.250.000	65,51%	3
3	Cổ đông lớn:	12.250.000	65,51%	3
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết:	3.625.000	19,39%	
5	Phân loại			
5.1	Trong nước	18.700.000	100%	963
	Cá nhân	3.870.000	20.70%	954

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ đông (người)
	Tổ chức	14.830.000	79.30%	9
5.2	Nước ngoài	0	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không phát sinh.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không phát sinh

e) Các chứng khoán khác: không phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 400.000l/năm phục vụ cho các xe nâng kho, xe nâng con và máy phát điện

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không phát sinh.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp (điện): 2.700.000 kwh/năm

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không phát sinh

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng: không phát sinh

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước: Công ty CP cấp nước Biên Hòa

Lượng nước: 4.800m³/tháng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không phát sinh

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không vi phạm

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không phát sinh.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016
----------	-------------	----------------	----------------

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016
Ban quản lý (Ban giám đốc, KTT)			
Quỹ lương	Triệu đồng	2,751.84	2,889.43
Tiền lương BQ	Triệu đồng/người	45.86	48.16
Thu nhập BQ	Triệu đồng/người	48.27	50.28
Người lao động			
Quỹ lương	Triệu đồng	28,023.75	31,669.56
Tiền lương BQ	Triệu đồng/người	12.37	13.13
Thu nhập BQ	Triệu đồng/người	13.68	14.62

Cơ sở pháp lý:

- Nghị định số Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước

- Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ lao động thương binh xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước

Cơ sở thực hiện:

- Căn cứ Nghị quyết của HĐQT về thông qua quỹ lương kế hoạch 2016;
- Căn cứ vào kết quả kinh doanh 2016

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Tuân thủ các quy định pháp luật lao động, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, cụ thể:

- Chế độ lương, thưởng căn cứ vào thực hiện sản xuất kinh doanh và hiệu quả, năng lực làm việc của người lao động
- Chính sách trang bị bảo hộ lao động, đồng phục, áo mưa cho người lao động
- Chính sách khám và bảo đảm sức khỏe người lao động thông qua Trung tâm y tế Cảng (nay là Bệnh viện đa khoa Tân Cảng)
- Chính sách về tham quan du lịch, các chế độ phúc lợi cho người lao động như trợ cấp ôm đau, thai sản, chế độ hiếu, hỉ

- Chính sách huấn luyện an toàn lao động và PCCN hàng năm, thực hiện định kỳ
- Hội thao tay nghề giỏi hàng năm
- Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao dành cho người lao động nhân các ngày lễ và kỷ niệm thành lập công ty
- Các hoạt động tình nguyện thanh niên

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Với chỉ đạo thực thi chủ trương không ngừng huấn luyện đào tạo và học hỏi của TCT cũng như Ban Lãnh đạo, các kế hoạch đào tạo tăng cường như: lớp học Tiếng Anh tại chỗ, lớp chăm sóc khách hàng, khóa khai thuế Hải Quan, các lớp kỹ năng quản lý.... Đồng thời, việc chọn lọc và tuyển dụng nhân sự có nghiệp vụ chuyên môn, quản lý đạt chất lượng cao, so với những năm trước đây, năng lực và trình độ nhân sự của công ty đã có nhiều tiến bộ, khả năng nắm vững quy trình điều hành, quản lý đã nâng lên tầm mới, việc kiểm soát chi phí kịp thời, cùng sự phối hợp điều phối kinh doanh - sản xuất nhịp nhàng đã đóng góp không nhỏ vào thành công của kế hoạch tiết giảm chi phí, là một trong các yếu tố mang lại hiệu quả kinh doanh cao, chi tiết:

STT	NỘI DUNG	ĐỐI TƯỢNG	LUỢT NGƯỜI	THỜI GIAN
I	NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN			
1	Nghiệp vụ Kho Ngoại quan	CB, NV KNQ	10	01/2016
2	Kỹ năng quản trị lãnh đạo	Trưởng/Phó phòng, Trợ lý Cty, PGĐ TVTCLB	5	04-11/2016
3	Nghiệp vụ An toàn hóa chất	CB-NV P.Điều độ, Khu KH	16	03/2016
4	Nghiệp vụ Giảng viên ATVSŁĐ	TB AT - DT	1	04/2016
5	Nghiệp vụ Kho hàng nguy hiểm IMDG	CB-NV Khu KH, P.Điều độ, TV TL	6	04/2016
6	Nghiệp vụ AT VSLĐ	BGD, Trưởng/phó phòng khối sản xuất, Ban ATDT	10	04/2016
7	Nghiệp vụ PCCC năm 2016	CB - NV Công ty	254	05, 06, 07,08/2016
8	Thẩm định dự án & lập KH SXKD	CB - NV p.TC - KT, p.KH - KD	7	06/2016

STT	NỘI DUNG	ĐỐI TƯỢNG	LUỢT NGƯỜI	THỜI GIAN
9	Nhân tướng học trong quản trị	CB p.TCHC	2	07/2016
10	An ninh thông tin	Ban CNTT, CB - NV p.TC - KT	8	07/2016
11	Nghiệp vụ Logistics tại Châu Âu	CB-NV Công ty	2	03/2016
12	Nghiệp vụ Logistics tại Hà Lan	CB-NV Công ty	2	08/2016
13	Nghiệp vụ PCCC và CNCH	CB-NV Công ty	1	06-11/2016
14	Nhận thức hệ thống an ninh chống khủng bố	CB-NV Công ty	5	12/2015
15	Quy định của pháp luật đối với HĐKDVT và lái xe	CB-NV Công ty	8	11/2015
16	Bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ về công tác pháp chế	CB-NV Công ty	6	08/2015
17	Kỹ năng quản trị 2015	CB Công ty	2	12/2015
II	NÂNG GIỮ BẬC			
1	Quản trị cao cấp chuỗi cung ứng & Logistics	Nv Sales - Marketing	1	05/2016
2	CCNAX	Phó ban IT	1	04/2016
3	Giám sát xây dựng và quản lý dự án	CB-NV Ban ATDT	2	07/2016

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: công tác dân vận tại địa phương: phường Long Bình, xã Phước Tân và UBND TP. Biên Hòa

Tổng số tiền hỗ trợ: 250.000.000 đồng, nguồn từ quỹ phúc lợi

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:./.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Mặc dù nhu cầu về dịch vụ thời gian đầu năm khá ảm đạm, nhưng bước sang đầu quý 2 tình hình kinh doanh đã có tiến triển khá tốt, hầu hết các sản phẩm dịch vụ mặt hàng truyền thống như hàng cà phê, hàng nhôm, thực phẩm, IMO tăng đột biến với cùng kỳ. Cụ thể hàng nhôm tăng vọt gấp 4 lần so với cùng kỳ (68 ngàn tấn/ năm 2015 và 260 ngàn tấn năm 2016); Hàng cà phê lưu chuyển qua kho cũng tăng mạnh cụ thể năm 2015 là 118, 000 tấn và năm 2016 là 244,000 tấn, tương đương gần gấp 2 lần so với cùng kỳ. Hàng thực phẩm như các đồ uống và nguyên liệu sản xuất đồ uống tăng mạnh, cụ thể năm 2015 khách hàng Netle sử dụng tổng diện tích chứa hàng là 60,000 m² nhưng sang năm 2016 là 260,400 m², tăng gấp hơn 4 lần so với cùng kỳ. Góp phần vào việc đưa kho 20 vào khai thác trước kế hoạch 2 tháng.

Dịch vụ hàng IMO cũng tăng cao, hiện tại ICD LB đã có trên 10,000 m² kho hàng IMO chứa các loại nhóm hàng khác nhau và phủ kín 100%, trong đó có 5,400 m² kho chuyên dụng (thuê ngoài) và 5.400 m² kho nhóm thường và đang xây thêm kho IMO chuyên dụng để đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Nhìn chung tình hình kinh doanh tại ICD LB phát triển khá tốt, vượt khoảng 18% so với kế hoạch năm.

a. Thuận lợi

Được sự quan tâm sâu sắc của Ban Lãnh đạo các cấp, Ban TGĐ, các phòng ban chức năng trong hệ thống và các cơ quan hữu quan như Hải Quan LBT, Cục HQ Đồng Nai, cơ quan chính quyền địa phương đã tạo động lực cho sự phát triển của ICD LB trong suốt thời gian vừa qua.

b. Khó khăn

Mặc dù đã có nhiều cải thiện về sự kiểm soát giao thông, đã có đèn tín hiệu giao thông nhưng do tuyến đường nhỏ, dân cư ngày càng đông nên sự ùn tắc giao thông tuyến đường vào ICD LB vẫn thường xuyên, ảnh hưởng nhiều về tiến độ sản xuất dẫn đến chất lượng dịch vụ vận tải cho khách hàng vẫn còn chưa đạt cao như mong muốn.

Vẫn như các năm trước đây, sự ảnh hưởng bởi chính sách không chế các danh mục hàng nhập tại các cửa khẩu theo thông tư 38/ BTC cũng ảnh hưởng nhiều đến các dịch vụ hàng bãi của ICD LB, nên hiệu quả kinh doanh bãi hàng, bãi rỗng tại ICD LB cũng bị hạn chế. Bên cạnh đó các dịch vụ giao nhận, logistics vòng ngoài của 9 tháng năm 2016 chưa cao, do khả năng cạnh tranh giá vận tải cũng như tính nghiệp vụ khai thuê, giao nhận mới chưa thật sự trôi chảy. Thông tư 38 mới quy định, một số nhà máy có thể kiểm hóa tại nơi đăng ký kinh doanh, sản xuất, một số khách hàng thuê dịch vụ khai thuê và chuyển cảng của ICD LB đã rút về nhà máy, không sử dụng dịch vụ tại ICD LB, đây cũng là nguyên nhân dịch vụ vòng ngoài chưa đạt theo kế hoạch.

Về Cải tiến hoạt động sản xuất:

- Kiện toàn toàn bộ đội ngũ phục vụ khách hàng, gồm các cấp quản lý và CB,NV làm việc trực tiếp với khách hàng tại hiện trường.

- Nâng cấp mối quan hệ gắn kết sâu sắc với khách hàng, đặc biệt là các khách hàng chủ chốt; trong đó Giám đốc và các Phó giám đốc phụ trách là thành viên chỉ đạo xây dựng kế hoạch và trực tiếp tham gia vào các hoạt động như Gặp gỡ thăm hỏi, giao lưu, nắm bắt và giải quyết khó khăn, vướng mắc của khách hàng...

- Quy hoạch ICDLB bảo đảm môi trường cảnh quan thông thoáng, xanh, sạch, đẹp; là điểm đến thân thiện, là nơi dừng chân, tiếp khách của ICD với các đối tác, khách hàng.

- Rà soát để tinh gọn quy trình sản xuất, quy trình phối hợp để đảm bảo sản xuất thông suốt và thực hiện tốt các cam kết với khách hàng;

- Quản lý tốt chất lượng dịch vụ các nhà cung cấp dịch vụ ngoài như bốc xếp, vận tải bằng các tiêu chí dịch vụ rõ ràng. Kiên quyết thay thế các đội vận tải/bốc xếp không đạt chất lượng.

Nâng cao năng suất lao động bằng phần mềm công nghệ thông tin.

+ Hoàn thiện phần mềm quản lý kho ngoại quan, kho nội địa và đầu tư phần mềm tính phí, nhằm chuyên nghiệp trong quản lý hàng hóa và tăng năng suất làm việc của nhân sự.

+ Thực hiện các biện pháp nhằm giảm các chi phí vô ích như: *Giảm tỉ lệ hư hỏng hàng hóa; Giảm chi phí do mất an toàn, an ninh hàng hóa; Giảm chi phí làm ngoài giờ do yếu kém trong lập kế hoạch sản xuất hoặc do gián đoạn sản xuất do thiếu/hư hỏng phương tiện/con người; Giảm lãng phí do bảo dưỡng phương tiện không tốt gây gián đoạn sản xuất; Giảm chi phí do kéo dài thời gian thực hiện nhiệm vụ; Giảm lãng phí thực phẩm...*

Về Hoạt động kinh doanh

- Duy trì tỉ lệ lấp đầy kho, bãi và Phát triển giá trị gia tăng cho công ty:

- Chú trọng phát triển dịch vụ mới, trong đó:

+ Rà soát toàn bộ khách hàng hiện hữu, tiếp cận với các khách hàng trực tiếp (không qua các nhà dịch vụ trung gian) để cung cấp dịch vụ. Như thế số lượng dịch vụ cung cấp được nhiều hơn, chủ động hơn, hiệu quả hơn và ổn định lâu dài.

+ Đổi mới tiếp cận khách hàng, đổi tượng khách hàng trực tiếp, tạo hiệu quả hơn trong kinh doanh, giữ chân khách hàng tốt hơn và tạo sự ổn định khách hàng cho ICD.

+ Tổ chức nhóm phát triển dịch vụ, do Khu kho hàng chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong TCT để hợp tác xây dựng giải pháp dịch vụ cho khách hàng tại Long Bình.

- Khai thác hiệu quả ICD 105ha : Tiếp tục hợp tác với Sonadezi và tìm kiếm thêm đối tác có năng lực để phát triển Long Bình thành trung tâm kho vận và logistics hiện đại;

- Gia tăng kiểm soát hiệu quả hoạt động của các công ty con, công ty liên kết.

Về Nhân sự

- Thực hiện định biên nhân sự, giao quyền chủ động cho các Trưởng phòng trong công tác bố trí nhân sự phù hợp với nghiệp vụ chuyên môn, lập kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Phòng. Tổ chức thực hiện đào tạo chuyên sâu nghiệp vụ chuyên môn trong ngành logistics – kho bãi đặc biệt trong các dịch vụ giá trị gia tăng từ dịch vụ lõi kho – bãi ICD, ứng dụng công nghệ trong quản lý hàng hóa và các dịch vụ VAS trong chuỗi logistics (e-logistics); các kỹ năng trong dịch vụ logistics; thực hiện đánh giá sau đào tạo cũng như tuyển chọn một số nhân sự có tố chất – tư duy – tâm, nghiệp vụ chuyên môn vững tham gia các khóa quản trị - điều hành, tạo nguồn cho cán bộ và bổ nhiệm quản lý cấp trung và cấp cao.

- Thực hiện đánh giá công việc theo chỉ tiêu KPI và gắn liền lương, tiền thưởng người lao động, làm động lực cho nhân viên làm theo năng lực, hưởng theo kết quả lao động và bảo đảm quỹ lương, thưởng ICD chi trả đúng người, đúng việc, đúng năng lực và không “cào bằng”, thật sự hiệu quả.

- Khuyến khích, khen thưởng kịp thời, động viên cán bộ, nhân viên trong ICD trong công tác marketing thị trường, giới thiệu khách hàng (dù chỉ là tiếp xúc sơ bộ); đồng thời cải tiến, sáng kiến trong nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm thiểu chi phí, thời gian lãng phí trong hoạt động sản xuất, hướng đến khách hàng và đem đến sự hài lòng vượt sự mong đợi của khách hàng; hình thức: khen thưởng đột xuất và ngay từ Quỹ khen thưởng.

- Đánh giá tiêu chí ứng dụng CNTT của khu kho hàng, phòng điều độ trong công tác nhân sự và tăng NSLĐ.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2016	2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	145.034.586.213	139.199.778.086
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	24.363.874.533	36.317.699.488
1. Tiền	24.363.874.533	23.317.699.488
2. Các khoản tương đương tiền	-	13.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-

Chỉ tiêu	2016	2015
1. Chứng khoán kinh doanh	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	110.959.144.964	102.259.995.783
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	108.017.210.215	67.570.353.093
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.144.851.010	33.334.470.210
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	1.851.413.739	1.409.502.480
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(54.330.000)	(54.330.000)
8. Tài sản thiêu chò xử lý	-	-
IV. Hàng tồn kho	323.250.000	-
1. Hàng tồn kho	323.250.000	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	9.388.316.716	622.082.815
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	1.053.970.076	356.779.489
2. Thuế GTGT được khấu trừ	8.334.346.640	56.682.314
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	208.621.012
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	855.996.752.724	748.581.878.612
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	390.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	-	-

Chỉ tiêu	2016	2015
5. Phải thu về cho vay dài hạn	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	-	390.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-
II. Tài sản cố định	564.957.351.185	507.707.749.876
1. Tài sản cố định hữu hình	564.856.795.624	507.524.190.155
- Nguyên giá	736.236.725.691	640.627.993.431
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	(171.379.930.067)	(133.103.803.276)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	100.555.561	183.559.721
- Nguyên giá	434.504.400	434.504.400
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	(333.948.839)	(250.944.679)
III. Bất động sản đầu tư	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	9.540.237.379	665.573.570
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.540.237.379	665.573.570
V. Đầu tư tài chính dài hạn	32.838.210.000	32.838.210.000
1. Đầu tư vào công ty con	20.400.000.000	20.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	7.200.000.000	7.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.238.210.000	5.238.210.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	248.660.954.160	206.980.345.166
1. Chi phí trả trước dài hạn	248.660.954.160	206.980.345.166
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	-

Chỉ tiêu	2016	2015
4. Tài sản dài hạn khác	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.001.031.338.937	887.781.656.698

b/ Tình hình nguồn vốn:

Chỉ tiêu	2016	2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	728.678.729.064	632.472.410.497
I. Nợ ngắn hạn	234.479.963.190	179.080.773.189
1. Phải trả người bán ngắn hạn	102.162.200.084	74.478.505.391
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	652.723.605	8.076.697
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.123.719.868	3.046.320.070
4. Phải trả người lao động	8.965.084.842	10.755.954.785
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	6.593.939.534	5.493.780.629
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	11.404.927.788	435.825.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	28.684.141.145	12.766.443.035
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	71.814.043.755	69.912.707.200
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	79.182.569	2.183.160.382
13. Quỹ bình ổn giá	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-
II. Nợ dài hạn	494.198.765.874	453.391.637.308
1. Phải trả người bán dài hạn	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	132.962.235.650	125.097.519.698
7. Phải trả dài hạn khác	156.660.258.250	157.386.374.350
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	204.576.271.974	170.907.743.260
9. Trái phiếu chuyển đổi	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	272.352.609.873	255.309.246.201
I. Vốn chủ sở hữu	272.352.609.873	255.309.246.201
1. Vốn góp của chủ sở hữu	187.000.000.000	187.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	187.000.000.000	187.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	35.323.884.667	15.328.835.272
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	50.028.725.206	52.980.410.929
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	-	52.980.410.929
- LNST chưa phân phối kỳ này	50.028.725.206	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
1. Nguồn kinh phí	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	1.001.031.338.937	887.781.656.698

Phân tích các rủi ro:

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Số cuối năm	Đã quá				
	Chưa quá hạn	hạn	Đã quá		Cộng
	hoặc chưa bị giảm giá	nhưng bị giảm giá	nhưng không giảm giá	hạn và/hoặc bị giảm giá	
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.363.874.533				24.363.874.533
Phải thu khách hàng	107.962.880.215		54.330.000	108.017.210.215	
Các khoản phải thu khác	274.929.020				274.929.020
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.238.210.000				5.238.210.000
Cộng	137.839.893.768		54.330.000	137.894.223.768	
Số đầu năm					

Tiền và các khoản tương đương tiền	36.317.699.488		36.317.699.488
Phải thu khách hàng	67.516.023.093	54.330.000	67.570.353.093
Các khoản phải thu khác	503.406.447		503.406.447
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.238.210.000		5.238.210.000
Cộng	109.575.339.028	54.330.000	109.629.669.028

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	102.162.200.084			102.162.200.084
Vay và nợ	71.814.043.755	170.917.429.574	33.658.842.400	276.390.315.729
Các khoản phải trả khác	34.943.118.853	36.329.354.150	120.330.904.100	191.603.377.103
Cộng	208.919.362.692	207.246.783.724	153.989.746.500	570.155.892.916
Số đầu năm				
Phải trả người bán	74.478.505.391			74.478.505.391
Vay và nợ	69.912.707.200	153.130.737.280	17.777.005.980	240.820.450.460
Các khoản phải trả khác	18.043.265.597	37.264.754.650	120.121.619.700	175.429.639.947
Cộng	162.434.478.188	190.395.491.930	137.898.625.680	490.728.595.798

Tài sản tài chính ngắn hạn nhỏ hơn nợ phải trả tài chính ngắn hạn, tuy nhiên Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Bởi vì phải trả người bán chủ yếu là khoản phải trả Công ty mẹ tiền thuê cơ sở hạ tầng và Công ty đang trong quá trình đàm phán với Công ty mẹ để gia hạn nợ đối với khoản nợ này. Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến

hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	358.573,34		706.902,43	0,40
Phải thu khách hàng	477.005,97		436.223,82	
Các khoản phải trả khác	(811.452,53)		(807.728,00)	
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	24.126,78		335.398,25	0,40

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích

hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền		13.000.000.000
Vay và nợ	(266.390.315.729)	(240.820.450.460)
Nợ phải trả thuần	(266.390.315.729)	(227.820.450.460)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 4.262.245.052 VND (năm trước giảm/tăng 3.553.999.027 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 5.303.116.000 VND (số đầu năm là 5.253.912.200 VND).

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không phát sinh*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

a. Chủ trương, kế hoạch đầu tư trong giai đoạn 2017 – 2018:

- Thuê khu đất - chức năng công nghiệp sạch, công nghệ cao - diện tích khoảng 66.88ha

- Đầu tư 17,000 m² kho đối diện kho 20 thuộc khu 25ha, trong đó có 7,500 m² kho mát, còn lại là kho thường chứa hàng nguyên liệu sữa nhập khẩu.

- Hoàn thiện tổng thể hạ tầng CNTT bao gồm hạ tầng CNTT và phần mềm CNTT căn cứ vào phê duyệt quy hoạch tổng thể hạ tầng CNTT ICD Tân Cảng Long Bình từ Tổng công ty, định hướng chính sách kết nối, phát triển, tối ưu hóa và chia sẻ nguồn tài nguyên CNTT cho các công ty thành viên (đặc biệt các phần mềm trong e - logistics, kho bãi) thông qua hình thức thuê dịch vụ CNTT, cụ thể:

(i) Hạ tầng CNTT

+ Kế hoạch tổng thể phát triển hạ tầng CNTT trong toàn khu vực ICD Tân Cảng Long Bình

+ Xây dựng thêm 1 hạ tầng CNTT song song với hạ tầng cũ, mục đích dự phòng và bảo đảm hệ thống wifi cho khách hàng (tạo tiện ích cho khách hàng làm việc tại ICD).

(ii) Phần mềm CNTT:

+ Tích hợp phần mềm chung của TCT (bao gồm KNQ, KNĐ, trung tâm phân phối hiện đang xây dựng cho toàn hệ thống trong dịch vụ e - logistics) và phát triển các module riêng tùy theo từng đặc thu công ty và cách thức quản lý hàng hóa.

+ Nâng cấp phần mềm quản lý cảng theo Tổng công ty

+ Lắp đặt bổ sung thêm hệ thống camera giám sát tại tất cả các cảng, vị trí trọng yếu, vị trí các kho có yêu cầu cao về tính an ninh; đồng thời tích hợp toàn bộ hệ thống an ninh – giám sát và kết nối IP với Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn

b. Chi tiết kế hoạch đầu tư 2017 khác

ĐVT: triệu đồng

ST T	Tên hạng mục đầu tư	Giá trị	Thời gian dự kiến hoàn thành	Nguồn vốn		
				Vay NH	KH & LD	Tự có
1	Xây dựng kho IMO - 3.800m ²	14,795	Quý II/2017	10,356.5	-	4,438.5
2	Bãi chứa thiết bị nặng - 12.000m ²	8,500	Quý II/2017	4,250	2,125	2,125
3	Xây dựng thêm 01 nhà xe và 01 canteen tại khu vực cảng phụ (kho 15 + kho 16) phục vụ cho khách hàng làm việc cho kho 15, 16	1,000	Quý II/2017			1,000
Tổng		24,295		14,606.5	2,125	7,563.5

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): không phát sinh

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty thực hiện tốt và bảo đảm các chỉ tiêu môi trường theo quy định pháp luật môi trường

Công ty luôn tôn trọng các quy định, bảo vệ và kiểm soát môi trường do các cơ quan quản lý quy định trong hoạt động kinh doanh của mình và quyết tâm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung của cam kết bảo vệ môi trường, thực hiện các chương trình giám sát môi trường

Kết quả đo đặc chất lượng môi trường không khí và kết quả phân tích các thông số ô nhiễm trong nước thải cho thấy chất lượng môi trường tại ICD Tân Cảng Long Bình là khá tốt, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải.

Công ty luôn tiếp tục, duy trì công tác bảo vệ môi trường, thực hiện tốt công tác giám sát định kỳ chất lượng môi trường tại cảng, phân loại chất thải rắn từ nguồn, thu gom, vận chuyển và hạn chế tối đa các tác động trong hoạt động sản xuất đến môi trường, duy trì tốt thảm xanh trong khuôn viên ICD.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Sự tồn vinh của một doanh nghiệp được xây dựng trên nền tảng tư duy quản lý khác biệt, linh hoạt, và tích cực của đội ngũ quản lý cấp cao và cấp trung cùng chất lượng ổn định của nguồn nhân lực. Sự trưởng thành của mỗi doanh nghiệp được tạo nên không chỉ bởi sự tác động đa chiều trên thương trường, mà còn là tổng hợp của sức mạnh từ các nguồn lực hiện có: nguồn lực tài nguyên cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, nguồn tài chính, kinh nghiệm, đặc biệt là nguồn nhân lực

Tuy vậy, sự tiến triển đều đặn của Công ty trong hành trình 5 năm hay 10 năm tất yếu sẽ đem đến hệ quả là sự thỏa hiệp hoặc tự bàng lòng với những thành quả hiện có, và không còn tạo được những biến chuyển mang giá trị đột phá, hay những khúc quanh quan trọng đưa Công ty lên một vị thế hoàn toàn mới.

Công ty cần luôn thay đổi cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý nhằm đảm bảo mối quan hệ hợp lý giữa số lượng - chất lượng, khâu quản lý tinh gọn, đạt được hiệu năng tối ưu; bổ nhiệm, bố trí cán bộ quản lý hợp lý về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm phù hợp với mục tiêu kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn, theo đó đặc biệt chú trọng vào con người - tài sản quý cho sự hưng thịnh, vững bền của Công ty, kỹ lưỡng nhằm sắp xếp, tổ chức lại hệ thống lao động, hệ thống sản xuất, hệ thống tài chính, hệ thống kinh doanh, hệ thống sản phẩm, v.v... của ICD Tân Cảng - Long Bình. Chính sự thay đổi trong chính sách người lao động từ chi tiết và toàn diện theo quy trình chuẩn, góp phần tạo cho ICD Long Bình có khả năng thực hiện chiến lược mới một cách hiệu quả, nâng cao vị thế của Công ty trên đa dạng và phong phú thị trường

Một số đổi mới trong công tác nhân sự:

- Thực hiện định biên nhân sự, giao quyền chủ động cho các Trưởng phòng trong công tác bố trí nhân sự phù hợp với nghiệp vụ chuyên môn, lập kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Phòng. Tổ chức thực hiện đào tạo chuyên

sâu nghiệp vụ chuyên môn trong ngành logistics – kinh báu đặc biệt trong các dịch vụ giá trị gia tăng từ dịch vụ logistics – kinh báu ICD, ứng dụng công nghệ trong quản lý hàng hóa và các dịch vụ VAS trong chuỗi logistics (e-logistics); các kỹ năng trong dịch vụ logistics; thực hiện đánh giá sau đào tạo cũng như tuyển chọn một số nhân sự có tố chất – tư duy – tâm, nghiệp vụ chuyên môn vững tham gia các khóa quản trị - điều hành, tạo nguồn cho cán bộ và bổ nhiệm quản lý cấp trung và cấp cao.

- Thực hiện đánh giá công việc theo chỉ tiêu KPI và gắn liền lương, tiền thưởng người lao động kể từ quý 2/2017 theo các chỉ tiêu KPI (phân ra KPI theo khối văn phòng – lực lượng gián tiếp và KPI cho khối hiện trường sản xuất), làm động lực cho nhân viên làm theo năng lực, hưởng theo kết quả lao động và bảo đảm quỹ lương, thưởng ICD chi trả đúng người, đúng việc, đúng năng lực và không “cào bằng”, thật sự hiệu quả.

- Khuyến khích, khen thưởng kịp thời, động viên cán bộ, nhân viên trong ICD trong công tác marketing thị trường, giới thiệu khách hàng (dù chỉ là tiếp xúc sơ bộ); đồng thời cải tiến, sáng kiến trong nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm thiểu chi phí, thời gian lãng phí trong hoạt động sản xuất, hướng đến khách hàng và đem đến sự hài lòng vượt sự mong đợi của khách hàng; hình thức: khen thưởng đột xuất và ngay từ Quỹ khen thưởng.

- Đánh giá tiêu chí ứng dụng CNTT của khu kho hàng, phòng điều độ trong công tác nhân sự và tăng NSLĐ

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn thực hiện công tác dân vận, phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với địa phương, đặc biệt các chính sách bảo vệ môi trường, chăm lo đời sống người dân, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

Hội đồng quản trị năm 2016 tính đến tháng 12 bao gồm:

- Ông Ngô Trọng Phàn
- Ông Phạm Duy Tân
- Ông Vũ Thành Trung
- Bà Nguyễn Bích Hòa: thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Phạm Văn Long có đơn thôi tham gia thành viên Hội đồng quản trị công ty, lý do nghỉ chờ hưu theo quy định của Bộ Quốc Phòng nên không bảo đảm chất lượng công tác khi tham gia thành viên Hội đồng quản trị công ty.

Căn cứ vào Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện thủ tục miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT neu trên trình ĐHĐCĐ thường niên 2017 thông qua.

Sau khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 thông qua Nghị quyết, trong đó có phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2017 và giao cho HĐQT tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, HĐQT đã xác định chiến lược, mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh và giao cho Giám đốc điều hành, triển khai thực hiện.

Trong năm qua, HĐQT thực hiện tốt chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Giám đốc theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra.

Với tình hình SXKD có nhiều nét đổi mới, hầu hết khách hàng đánh giá cao sự phát triển đột phá của toàn hệ thống TCT TCSG nói chung và ICD LONG BÌNH nói riêng. Các bộ phận sản xuất, kinh doanh đã phối hợp nhịp nhàng theo hệ thống, chất lượng dịch vụ tốt hơn, khách hàng tin cậy, phát triển bền vững, góp phần thúc đẩy hệ thống kho mới phủ kín theo kế hoạch, kết quả sản xuất kinh doanh đạt so với kế hoạch đã đề ra cụ thể:

Tổng doanh thu: 326 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: 62 tỷ đồng

Cổ tức năm 2016 (Dự kiến): 15%

Thu nhập của người lao động được cải thiện và nâng cao, thu nhập bình quân năm 2016 vào khoảng 14.62 triệu đồng/người/tháng.

Các định hướng cho năm 2017:

- Chọn đơn vị tư vấn thủ tục và lựa chọn thời gian niêm yết cổ phiếu, đảm bảo niêm yết đúng thủ tục, đúng thời điểm.

- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 10 năm thành lập ICD Tân Cảng Long Bình (2007 – 2017)

- Thuê CSHT khu đất - chức năng công nghiệp sạch, công nghệ cao - diện tích khoảng 66,88ha (vị trí xác định: phía Bắc hướng về KCN Amata được tính theo trực đường chính Phan Đăng Lưu và 1 phần khu đất Đông Nam tiếp giáp với khu đất Tiên Nga hiện hữu và tuyến đường nối đường tránh Biên Hòa).

Phương án đầu tư, kinh doanh: hợp tác kinh doanh với các đối tác, khách hàng đầu tư xây dựng hệ thống nhà kho, các công trình phụ trợ phục vụ cho các doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch, KCN, đồng thời các đối tác,

khách hàng cam kết sử dụng dịch vụ logistics của ICDLB và hệ thống TCT cho luân chuyển nguyên liệu, sản phẩm đến khu vực sản xuất, KCN, hệ thống cảng và các trung tâm phân phối.

- Tiếp tục đầu tư, xây dựng bãi chứa hàng thiết bị nặng khu đất đầu kho 20 theo nhu cầu của khách hàng, diện tích khoảng **12.000 m²**, và xây dựng 17.000 m² kho đối diện kho 20 thuộc khu 25ha, trong đó có 7.500 m² kho mát, còn lại là kho thường chứa hàng nguyên liệu sữa nhập khẩu.

- Hiện đại hóa hệ thống CNTT trong toàn ICD, gắn liền với hạ tầng CNTT của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn bao gồm:

Hạ tầng CNTT: phát triển hạ tầng CNTT trong toàn khu vực ICD Tân Cảng Long Bình bảo đảm duy trì trong 5 năm tới, đặc biệt là hệ thống server (bao gồm cả đầu tư hệ thống an ninh an toàn cho server và trang bị thêm server ảo hóa, backup dữ liệu và kết nối an toàn – bảo mật với hệ thống TCT). Quy hoạch lại hệ thống hạ tầng internet cũ (cáp quang nội bộ), xây dựng thêm 1 hạ tầng CNTT song song với hạ tầng cũ, mục đích dự phòng và bảo đảm hệ thống wifi cho khách hàng (tạo tiện ích cho khách hàng làm việc tại ICD), cũng như wifi cho hệ thống kho đối với các kho có nhu cầu sử dụng barcode trong quản lý hàng hóa; bảo đảm cho toàn bộ phần mềm CNTT hoạt động ổn định và đáp ứng yêu cầu về bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cho ICD

Phần mềm CNTT: Sử dụng phần mềm chung của TCT (bao gồm KNQ, KND, trung tâm phân phối hiện đang xây dựng cho toàn hệ thống trong dịch vụ e - logistics) và phát triển các module riêng tùy theo từng đặc thu công ty và cách thức quản lý hàng hóa.

Ứng dụng CNTT trong giám sát bảo đảm an ninh: lắp đặt bổ sung thêm hệ thống camera giám sát tại tất cả các cổng, vị trí trọng yếu, vị trí các kho có yêu cầu cao về tính an ninh; đồng thời tích hợp toàn bộ hệ thống an ninh – giám sát tại Phòng điều độ và kết nối IP với Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Thực hiện theo quy hoạch tổng thể hạ tầng CNTT được phê duyệt từ Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống) trong quý 2/2017, định hướng chính sách kết nối, phát triển, tối ưu hóa và chia sẻ nguồn tài nguyên CNTT cho các công ty thành viên (đặc biệt các phần mềm trong e - logistics, kho bãi) thông qua hình thức thuê dịch vụ CNTT, Giám đốc báo cáo cụ thể phương án đầu tư tổng thể hoàn thiện cơ sở hạ tầng CNTT (bao gồm cả chi phí đầu tư và phân bổ nguồn tài chính cho thực hiện dự án) và thời gian triển khai

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ cổ phần tại 31/12/2016
Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch HĐQT	0.16%
Phạm Văn Long	Thành viên	0.40%
Vũ Thành Trung	Thành viên	0%
Phạm Duy Tân	Thành viên	0%
Nguyễn Bích Hòa	Thành viên	1.47%

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: không thành lập

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Ông Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
02	Ông Phạm Văn Long	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	4/4	100%	
03	Ông Phạm Duy Tân	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
04	Bà Nguyễn Bích Hòa	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
05	Vũ Thành Trung	Thành viên HĐQT	4/4	100%	

Về tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016, HĐQT đã bảo đảm lịch sinh hoạt định kỳ ít nhất một quý một lần, thực hiện tốt dân chủ trong các cuộc họp. Ngoài ra, HĐQT công ty còn tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản để giải quyết kịp thời những phát sinh và việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng trình tự,

thủ tục theo quy định của Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ công ty, và Luật doanh nghiệp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, của các tiêu ban trong Hội đồng quản trị

Trong năm 2016, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Thông qua các cuộc họp HĐQT, Ban Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với định hướng, chỉ đạo của HĐQT để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của Công ty.

Nhìn chung, HĐQT công ty đã thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp

Liên quan đến công tác quản lý cổ đông: Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á làm đơn vị quản lý cổ đông.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:./.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Trong năm 2016 nhân sự Ban kiểm soát có sự thay đổi như sau:

Nhân sự ban kiểm soát cũ gồm

- Ông Nguyễn Đình Tú
- Bà Mai Thị Mộng Kiều
- Ông Quách Tiến Thịnh

Nhân sự ban kiểm soát mới gồm:

- Ông Nguyễn Việt Trường
- Bà Mai Thị Mộng Kiều
- Ông Lê Xuân Sơn

b) Hoạt động của Ban kiểm soát.

Với các thành viên trong BKS là cán bộ ngoài Công ty, BKS đã tham gia đầy đủ vào các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty.

BKS đã tham gia cũng như được thông tin đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và ban Giám đốc nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của công ty.

Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty đối với HĐQT, Ban Giám đốc.

Thường xuyên phối hợp với phòng ban chức năng của ICD Long Bình trong việc thanh kiểm tra chấp hành pháp luật thuế của cơ quan thuế, kiểm toán và đầu tư mua sắm của công ty.

Giám sát công tác kiểm toán nội bộ, đánh giá hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ của công ty.

Tiến hành kiểm tra kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2016

BKS nhận thấy các thành viên HĐQT và Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông đã giao phó.

Ban kiểm soát lưu ý hoạt động của công ty:

- Các chính sách pháp luật mới, thường xuyên cập nhật, đặc biệt là hệ thống pháp luật, nghị định, thông tư về thuế, kế toán, doanh nghiệp và đầu tư.....

- Thực hiện đầu tư cần chú ý đến dòng tiền cũng như hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng đòn bẩy tài chính hợp lý.

- Đề nghị Cty lưu ý đến chỉ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu năm 2015 là 2.48 lần, năm 2016 là 2.68 lần) “Theo quy định của Hội Đồng thành viên TCTTCSG, Công ty con có 51% vốn nhà nước trở lên chỉ được đầu tư khi chỉ số Nợ Phải trả/Vốn chủ sở hữu nhỏ hơn hoặc bằng hai lần, nếu vượt quy định phải được sự đồng ý của HĐTV bằng văn bản”

- Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban giám đốc cũng như các phòng ban của đơn vị hết sức lưu ý về các chỉ số về khả năng thanh toán nhanh, tình hình thu hồi công nợ (công nợ của Cty TNHH Tiên Nga, cty CP vận tải & tiếp vận Châu Á Thái Bình Dương, CN Cty CP vận tải & tiếp vận Châu Á Thái Bình Dương tại Hà Nội ... mà kiểm toán cũng như các phòng ban chức năng đã lưu ý.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/:

Hội đồng quản trị:

STT	Tên	Chức vụ	Mức thù lao	Ghi chú
1	Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch HĐQT	48,000,000	
2	Phạm Văn Long	Thành viên	42,000,000	
3	Phạm Duy Tân	Thành viên	42,000,000	
4	Nguyễn Bích Hòa	Thành viên	42,000,000	

STT	Tên	Chức vụ	Mức thù lao	Ghi chú
5	Vũ Thành Trung	Thành viên	42,000,000	
	Tổng		186.000.000	

Ban kiểm soát:

STT	Tên	Chức vụ	Mức thù lao	Ghi chú
1	Nguyễn Viết Trường	Trưởng ban	30,000,000	
2	Mai Thị Mộng Kiều	Thành viên	12,000,000	
3	Lê Xuân Sơn	Thành viên	12,000,000	
	Tổng		54.000.000	

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không phát sinh
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủ Đức Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ	Công ty cùng Tập đoàn

Tân Cảng

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng – STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: bảo đảm thực hiện quy định quản trị công ty: Công ty lưu ý sửa đổi quy chế quản trị công ty trong năm 2017 để phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014 và Luật chứng khoán

Đối với các thành viên Hội đồng quản trị, trong năm 2017 bảo đảm tham gia có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty và tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A & C)

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Công ty và công ty con”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2017, từ trang 07 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân

thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		156.303.995.919	149.571.625.498
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.170.606.743	41.399.926.087
1. Tiền	111		26.670.606.743	26.399.926.087
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.421.822.460	107.549.616.596
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	113.433.339.252	72.804.895.423
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.144.851.010	33.339.750.210
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.897.962.198	1.459.300.963
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(54.330.000)	(54.330.000)
8. Tài sản thiểu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		323.250.000	-
1. Hàng tồn kho	141		323.250.000	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.388.316.716	622.082.815
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.053.970.076	356.779.489
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.334.346.640	56.682.314
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	208.621.012
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		894.397.616.497	790.407.249.562
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	390.000.000

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	390.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		622.984.987.172	569.734.983.047
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	622.884.431.611	569.551.423.326
- Nguyên giá	222		813.056.778.295	717.448.046.035
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(190.172.346.684)	(147.896.622.709)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	100.555.561	183.559.721
- Nguyên giá	228		434.504.400	434.504.400
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(333.948.839)	(250.944.679)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.540.237.379	665.573.570
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	9.540.237.379	665.573.570
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		13.034.261.399	12.636.347.779
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên	252	V.2a	7.796.051.399	7.398.137.779

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
doanh, liên kết				
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	5.238.210.000	5.238.210.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		248.838.130.547	206.980.345.166
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	248.838.130.547	206.980.345.166
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.050.701.612.416	939.978.875.060
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		745.620.345.369	654.507.615.049
I. Nợ ngắn hạn	310		241.485.702.910	187.252.236.348
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	102.058.666.898	74.971.889.760
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	685.978.390	13.576.697
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.580.746.334	3.913.631.102
4. Phải trả người lao động	314		9.404.386.481	11.467.378.258
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	6.671.289.533	5.493.780.629
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	10.468.860.192	435.825.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	28.734.468.277	12.813.117.739
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	77.614.043.755	75.312.707.200
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.267.263.050	2.830.329.963
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		504.134.642.459	467.255.378.701
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	94.098.112.235	84.361.261.091
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	156.660.258.250	157.386.374.350
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	253.376.271.974	225.507.743.260
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		305.081.267.047	285.471.260.011
I. Vốn chủ sở hữu	410		305.081.267.047	285.471.260.011
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	187.000.000.000	187.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.000.000.000	187.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	36.355.273.217	15.926.825.822
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	55.985.017.000	57.866.134.934
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.982.031.552	57.866.134.934
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		52.002.985.448	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.20	25.740.976.830	24.678.299.255
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.050.701.612.416	939.978.875.060

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	352.252.441.933	278.999.769.908
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		352.252.441.933	278.999.769.908
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	231.331.279.224	163.278.979.939

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		120.921.162.709	115.720.789.969
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	501.744.374	1.866.735.273
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	22.778.262.312	26.275.637.402
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.266.203.636	25.678.766.478
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		346.070.073	44.892.199
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.428.661.740	990.533.582
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	27.598.361.605	26.913.314.333
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30		69.963.691.499	63.452.932.124
12. Thu nhập khác	31	VI.7	10.155.513	1.082.518.886
13. Chi phí khác	32	VI.8	448.500.727	320.452.323
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(438.345.214)	762.066.563
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		69.525.346.285	64.214.998.687
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.13	13.998.021.262	14.222.035.891
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		55.527.325.023	49.992.962.796
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		52.002.985.448	45.828.964.716
20. Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	62		3.524.339.575	4.163.998.080
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.475	2.197
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		2.475	2.197

BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	1		69.525.346.285	64.214.998.687

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		42.358.728.135	41.047.899.894
- Các khoản dự phòng	3		-	(661.384.400)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		68.771.661	701.032.567
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(610.953.407)	(1.719.693.946)
- Chi phí lãi vay	6		22.266.203.636	25.678.766.478
- Các khoản điều chỉnh khác	7		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		133.608.096.310	129.261.619.280
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(49.343.430.755)	(3.502.721.840)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(323.250.000)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		54.710.775.947	54.615.439.517
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(42.554.975.968)	(52.055.433.532)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(24.273.238.106)	(27.341.758.339)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.886.266.073)	(11.629.334.718)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	39.341.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.348.228.447)	(9.511.145.223)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		49.589.482.908	119.177.665.145
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(68.455.491.540)	(120.494.036.549)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	27.300.000.000
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ	23		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
nợ của đơn vị khác				
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		291.133.334	919.485.820
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(68.164.358.206)</i>	<i>(92.274.550.729)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		92.482.043.269	73.370.589.037
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(62.312.178.000)	(77.092.030.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.847.500.000)	(28.596.789.206)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>7.322.365.269</i>	<i>(32.318.230.169)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(11.252.510.029)	(5.415.115.753)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	41.399.926.087	46.510.043.030
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		23.190.685	304.998.810
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	30.170.606.743	41.399.926.087

(*) *Thuyết minh báo cáo tài chính kiểm toán (đính kèm theo báo cáo tài chính hợp nhất)*

Toàn văn báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty: www.icdlongbinh.com (mục quan hệ cổ đông)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
Trần Triệu Phú